

Báo cáo Chiến lược đầu tư Bán chủ động

Đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành



(Cập nhật T02/2026)

Người thực hiện báo cáo

Bùi Ngọc Dũng

Chuyên viên Phân tích Chiến lược
– Định lượng

Email: DungBN@fpts.com.vn

Người phê duyệt báo cáo

Trần Nguyễn Anh Tùng, CFA

Trưởng nhóm Phân tích Chiến
lược – Định lượng

Email: TungTNA@fpts.com.vn

Mục lục

Tổng quan Chiến lược đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành	<u>05</u>
Phương pháp xây dựng Chiến lược Động lượng ngành	<u>08</u>
Kết quả kiểm định chiến lược trong quá khứ	<u>11</u>
Phụ lục	<u>15</u>

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ ĐỘNG LƯỢNG NGÀNH

Chiến lược Động lượng ngành chủ yếu phù hợp với các nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao. Trong đó, các nhà đầu tư phù hợp có thể chia thành hai nhóm chính (tương ứng với hai cách đánh giá khác nhau):

- (1) Nhà đầu tư dài hạn** (quan tâm tới chiến lược Động lượng ngành hoặc muốn bổ sung các cổ phiếu thuộc ngành có Động lượng cao vào danh mục của mình nhằm đa dạng hóa): Hiệu quả dài hạn của chiến lược được đánh giá so với tiêu chuẩn là chỉ số Động lượng ngành (gồm Ngành có động lượng cao nhất 6 tháng), qua đó phản ánh lợi nhuận từ việc lựa chọn cổ phiếu hiệu quả trong từng kỳ tái cơ cấu.
- (2) Nhà đầu tư ngắn hạn:** Mỗi báo cáo sẽ kèm theo khuyến nghị ngắn hạn (**MUA/THEO DÕI/BÁN**) dựa trên đặc tính của Chiến lược trong quá khứ và đánh giá thị trường hiện tại. Tương ứng, các khuyến nghị này được đánh giá với tiêu chuẩn là lợi nhuận kỳ vọng được đặt ra và lợi nhuận trung bình toàn thị trường (VN-Index) để phản ánh không chỉ lợi nhuận từ lựa chọn cổ phiếu mà còn lợi nhuận từ lựa chọn Chiến lược (mang tính thời điểm cao). Lưu ý các khuyến nghị chỉ dành riêng cho các nhà đầu tư ngắn hạn, không ảnh hưởng tới ý nghĩa dài hạn của Chiến lược.

Trong các báo cáo cập nhật, chúng tôi sẽ luôn đưa ra danh mục đầu tư cho kỳ kế tiếp để phục vụ các nhà đầu tư dài hạn. Thêm nữa, chúng tôi cũng sẽ đưa ra khuyến nghị để phục vụ các nhà đầu tư ngắn hạn.

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ ĐỘNG LƯỢNG NGÀNH

Trong phần này, chúng tôi muốn làm rõ cách tiếp cận và đặc tính của Chiến lược Đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành. Đây là cơ sở để xác định các nhóm nhà đầu tư phù hợp và các sử dụng báo cáo tương ứng với từng nhóm.

- (1) Cách tiếp cận đầu tư Bán chủ động là kết hợp giữa Chủ động và Thụ động. Cách tiếp cận này ứng dụng các phương pháp đa dạng hóa danh mục và giao dịch kỷ luật để tối ưu hiệu quả đầu tư – hai yếu tố quan trọng trong [Quản lý danh mục đầu tư](#).
- (2) Yếu tố Động lượng ngành có nhiều điểm tương đồng với [yếu tố Động lượng của từng cổ phiếu](#), tuy nhiên thay vì đo lường mức tăng giá của từng cổ phiếu, Động lượng ngành đo lường bằng mức tăng trưởng của chỉ số ngành tại từng thời điểm xác định. Tương ứng, Đầu tư dựa trên Động lượng ngành là đầu tư vào các cổ phiếu có vốn hóa lớn tại các ngành có Động lượng cao nhất tại từng thời điểm.
- (3) Thời gian nắm giữ ngắn hạn (03 tháng) để phù hợp với cách tiếp cận của chiến lược Động lượng. Sau thời gian nắm giữ, toàn bộ vị thế danh mục hiện tại sẽ được đóng, chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá tình hình thị trường cũng như yếu tố Động lượng ngành để đưa ra quyết định mở vị thế mới. Bên cạnh đó, số lượng cổ phiếu được hạn chế trong khoảng tối đa 5 cổ phiếu để việc giao dịch đơn giản cho các nhà đầu tư cá nhân.

Tổng quan chiến lược đầu tư theo yếu tố Động lượng ngành

- Khuyến nghị T02/2025 – T05/2026

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ BÁN CHỦ ĐỘNG DỰA TRÊN YẾU TỐ ĐỘNG LƯỢNG NGÀNH
Khuyến nghị đầu tư T02/2026 - T05/2026: THEO DÕI

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị ngắn hạn **THEO DÕI** với lợi nhuận kỳ vọng **2,55%*** do cho rằng nhịp tăng trưởng hơn 50% của ngành Dầu khí trong vòng hơn 1 tháng qua đã đẩy mặt bằng giá vượt xa vùng tích lũy an toàn, khiến định giá hiện tại không còn phù hợp để giải ngân mới. Trong trung hạn, triển vọng ngành vẫn duy trì ở mức khả quan, tuy nhiên nhà đầu tư cần theo dõi sát một số yếu tố hỗ trợ và rủi ro được trình bày chi tiết ở phần dưới.

Với nhà đầu tư dài hạn (ưa thích yếu tố Động lượng ngành hoặc mong muốn đa dạng hóa danh mục nhờ yếu tố này) có thể tiếp tục đầu tư theo danh mục khuyến nghị.

Danh mục đầu tư T02/2026 – T05/2026

Mã CK	Tỷ trọng tính toán	Số lượng cổ phiếu**	Giá mua	Yếu tố hỗ trợ	Yếu tố theo dõi
POS	51,66%	3100	16.700		
PVD	37,17%	1100	33.150	Giàn khoan mới đầu tư dự kiến hoạt động từ tháng 04/2026	Đơn giá thuê và hiệu suất hoạt động giàn khoan trong khu vực Đông Nam Á
GAS	11,16%	100	101.400	Doanh thu tăng trưởng nhờ đóng góp từ mảng LNG	Lợi nhuận có thể giảm nhẹ do không ghi nhận lợi nhuận khác lớn như năm 2025

*Được ước tính dựa trên mô hình Chuỗi thời gian: Bayesian Vector Autoregression

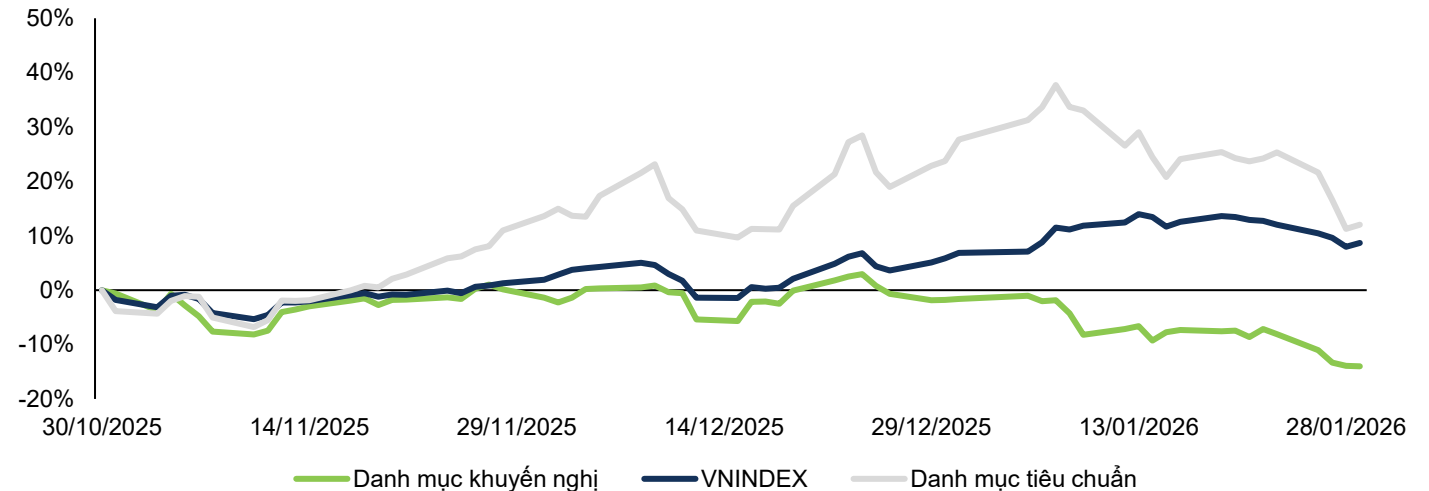
**Số lượng cổ phiếu ước tính với danh mục NAV 100 triệu đồng

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ BÁN CHỦ ĐỘNG DỰA TRÊN YẾU TỐ ĐỘNG LƯỢNG NGÀNH
12/02/2026
Đánh giá hiệu quả của chiến lược trong kỳ đầu tư T11/2025-T01/2026

Trong kỳ đầu tư T10/2025-T01/2026, chiến lược ghi nhận sự phân hóa trong nội tại ngành thay vì chuyển động với xu hướng lan tỏa. Hiệu suất danh mục chịu áp lực do dòng tiền tập trung cục bộ tại nhóm Vingroup đã nâng đỡ chỉ số và danh mục tiêu chuẩn, trong khi nhóm Bất động sản vốn hóa vừa và nhỏ suy giảm động lượng trước các điểm nghẽn chính sách. Cụ thể, việc siết chặt tín dụng đầu năm 2026 vào nhóm ngành này cũng như quá trình thẩm thấu các quy định mới của Luật Đất đai đã tạo ra tâm lý thận trọng, gây ra nhịp điều chỉnh kỹ thuật tại các mã khuyến nghị.

(Xem lại báo cáo lần đầu Chiến lược đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành tháng 10/2025 tại [đây](#))

Mã CK	Tỷ trọng	Giá mua ngày 30/10/2025	Giá bán ngày 30/01/2026
KDH	57,53%	35.850	27.500
VPI	35,92%	56.300	53.900
VIC	6,55%	102.050	140.500
Lợi nhuận danh mục khuyến nghị			-12,46%
Lợi nhuận danh mục tiêu chuẩn			12,05%
Lợi nhuận VN-Index			9,5%

Đánh giá hiệu quả chiến lược


Phương pháp xây dựng Chiến lược Động lượng ngành

- Kiểm định ý nghĩa yếu tố Động lượng ngành
- Tối ưu hóa hiệu quả yếu tố lên danh mục

THAM KHẢO: PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Mục tiêu của chiến lược đầu tư theo Động lượng ngành

Ý tưởng chiến lược

Yếu tố Động lượng ngành được đo bằng mức tăng trưởng giá trung bình có trọng số vốn hóa của các cổ phiếu trong cùng ngành*. Nền tảng của chiến lược đầu tư trên xuất phát từ nghiên cứu tại thị trường chứng khoán Mỹ, tác giả phát hiện rằng các ngành có động lượng cao 1 năm gần nhất (loại bỏ 1 tháng gần nhất để tránh đảo chiều ngắn hạn) sẽ tiếp tục sinh lời trong ngắn hạn (kiểm định với 3 tháng nắm giữ). Theo đó, một ngành có động lượng tốt trong khoảng thời gian dài hạn có thể được lý giải bởi (1) ngành đang hưởng lợi từ chu kỳ kinh tế thuận lợi; (2) kết quả kinh doanh cải thiện trên diện rộng; (3) quán tính trong hành vi phân bổ theo ngành của nhà đầu tư, dòng tiền theo ngành có xu hướng lan tỏa rộng và bền hơn cổ phiếu riêng lẻ (*Moskowitz & Grinblatt, 1999; Asness et al., 2013*).

Tại thị trường Việt Nam, chúng tôi tiến hành kiểm định yếu tố Động lượng ngành trong khung thời gian 6 tháng gần nhất. Để triển khai chiến lược dài hạn này, chúng tôi áp dụng phương pháp luận gồm 02 giai đoạn để lựa chọn các cổ phiếu từ ngành có động lượng 6 tháng cao nhất tại mỗi kỳ nắm giữ.



(1) Kiểm định ý nghĩa của yếu tố Động lượng ngành



(2) Tối ưu hóa Chiến lược

*Chi tiết cách đo lường động lượng ngành ở [Phu lục](#).

THAM KHẢO: PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Đánh giá và cập nhật trong các kỳ tái cơ cấu

Sau mỗi kỳ đầu tư (03 tháng), danh mục sẽ được đánh giá lại theo quy trình:

(1) Đánh giá hiệu quả đầu tư trong kỳ đầu tư



(2) Dự báo tình hình thị trường trong kỳ đầu tư tiếp theo



(3) Hiệu chỉnh nếu cần thiết



Lợi nhuận của danh mục và chênh lệch so với danh mục tiêu chuẩn và VN-Index là cơ sở để đánh giá hiệu quả của danh mục.

Trong kỳ đầu tư tháng 11/2025-01/2026, danh mục khuyến nghị đã thua lỗ 12,46% do sự phân hóa mạnh mẽ của ngành Bất động sản. Hiệu suất danh mục chịu áp lực khi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ diễn biến tiêu cực, trong khi dòng tiền tập trung cục bộ vào nhóm vốn hóa lớn đã nâng đỡ chỉ số VN-Index và danh mục tiêu chuẩn.

Dự báo tình hình thị trường giúp chúng tôi có thể đánh giá danh mục có thuận lợi trong điều kiện thị trường được dự báo không và đưa ra khuyến nghị ngắn hạn.

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **THEO DÕI** đối với danh mục với lợi nhuận kỳ vọng **2,55%** trong vòng 3 tháng tới. Nhịp bứt phá mạnh hơn 50% đẩy định giá cổ phiếu nhóm Dầu khí lên mặt bằng cao dẫn tới rủi ro điều chỉnh ngắn hạn gia tăng. Trong trung hạn, triển vọng ngành duy trì ở mức khả quan.

Phương pháp luận của chiến lược được hiệu chỉnh nếu cần thiết, nhằm cải thiện hơn nữa hiệu quả của danh mục đầu tư.

Đối với chiến lược đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng Ngành trong kỳ đầu tư này, chúng tôi vẫn giữ nguyên phương pháp luận (nhà đầu tư có thể tham khảo [Báo cáo Chiến lược đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng Ngành lần đầu](#)).

Kết quả kiểm định chiến lược trong quá khứ

- Chiến lược có thể đánh bại thị trường trong nhiều kỳ đầu tư

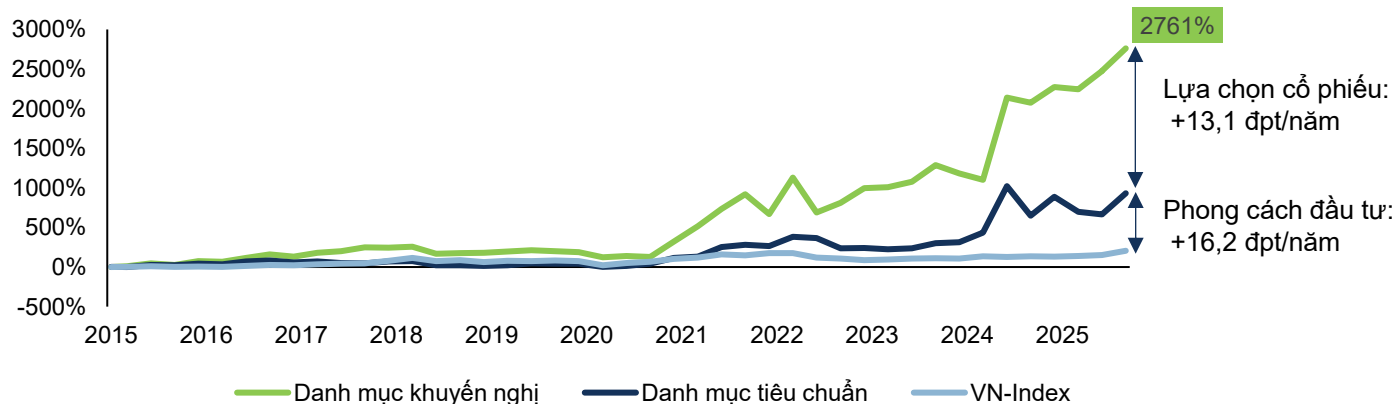
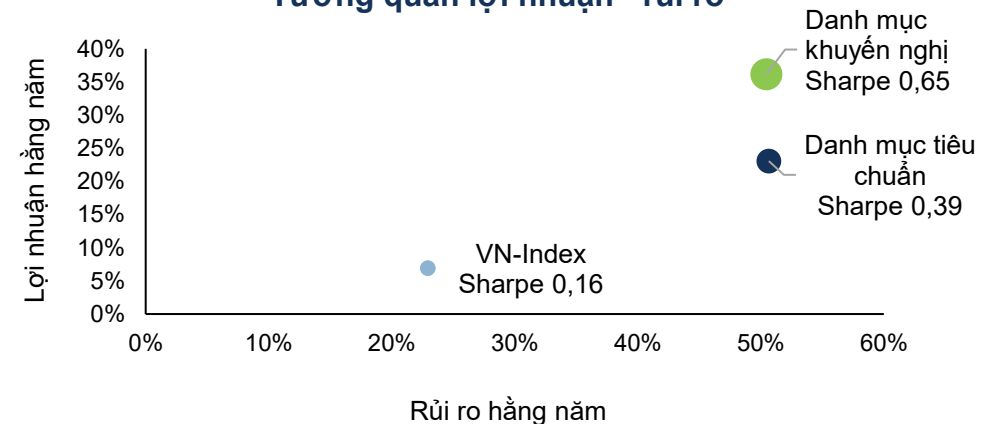
THAM KHẢO: KIỂM ĐỊNH DANH MỤC
(1) Kết quả backtest từ 2015 - Nay

Thống kê kết quả backtest từ 01/01/2015 đến 30/09/2025, danh mục đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành tạo ra lợi nhuận 36,16% hàng năm, đánh bại cả danh mục tiêu chuẩn và thị trường.

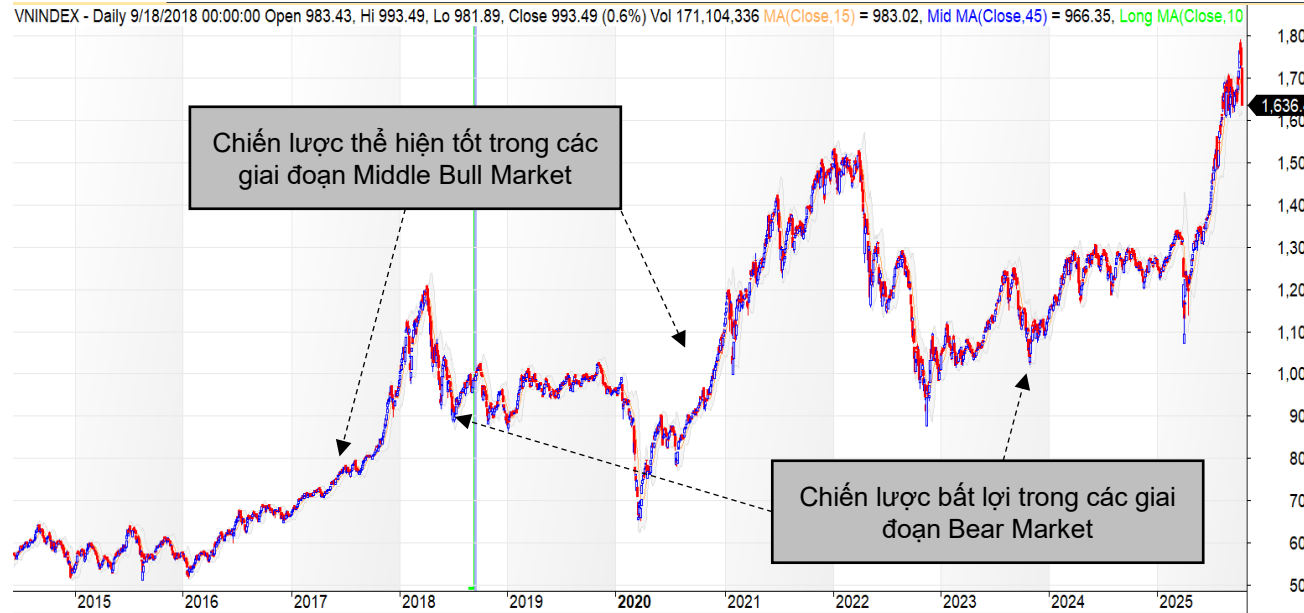
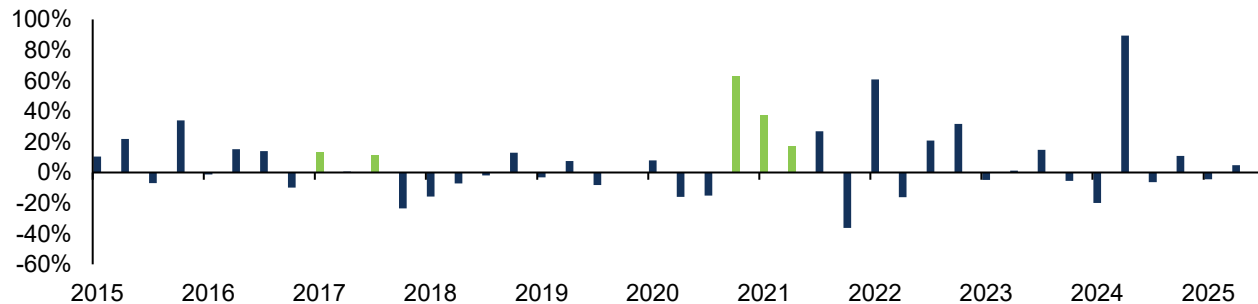
Trong đó, hiệu quả từ phong cách đầu tư (chênh lệch hiệu suất giữa Danh mục tiêu chuẩn và VN-Index) là 16,15%, hiệu quả từ lựa chọn cổ phiếu (chọn từ ngành có động lượng cao nhất) là 13,10%.

Ngoài ra, danh mục khuyến nghị còn có tỷ lệ lợi nhuận điều chỉnh rủi ro là 0,65 – vượt trội so với hai danh mục còn lại (lần lượt là 0,40 và 0,16).

Chỉ tiêu*	Danh mục	Danh mục tiêu chuẩn	Chỉ số VN-Index
Lợi nhuận bình quân hàng năm	36,16%	23,07%	6,92%
Chênh lệch so với cột sau		13,10%	16,15%
Độ lệch chuẩn hàng năm	50,45%	50,65%	22,93%
Hệ số Sharpe	0,65	0,40	0,16

Lợi nhuận danh mục qua các kỳ đầu tư

Tương quan lợi nhuận - rủi ro


*Chi tiết cách tính toán các chỉ tiêu xem tại [Phụ lục](#)

THAM KHẢO: KIỂM ĐỊNH DANH MỤC
(2) Đánh giá tính chất thị trường của danh mục

Lợi nhuận so với VN-Index


Việc đánh giá tính chất thị trường của danh mục trong quá khứ giúp chúng tôi đưa ra khuyến nghị ngắn hạn với tính thời điểm cao.

Thị trường thuận lợi với chiến lược: Chiến lược thường đạt hiệu quả cao trong các pha Middle Bull Market của VN-Index. Khi xu hướng tăng được củng cố, dòng tiền lan tỏa rộng, các nhóm ngành dẫn dắt thường duy trì sức mạnh giá và tiếp tục tạo hiệu suất vượt trội so với thị trường. Bên cạnh đó, chiến lược động lượng ngành có thể vận hành hiệu quả hơn trong bối cảnh thị trường xuất hiện hiện tượng dòng tiền ưu tiên một số ngành nhất định trong ngắn hạn, góp phần khuếch đại động lượng giá cổ phiếu nội ngành.

Chỉ tiêu	Giá trị
Số kỳ thuận lợi	07/43
Lợi nhuận bình quân hằng năm	200,54%
Độ lệch chuẩn hằng năm	54,33%
Chênh lệch với VN-Index	101,72%

THAM KHẢO: KIỂM ĐỊNH DANH MỤC
(3) Kiểm định quá khứ: Tỷ trọng danh mục trong các kỳ backtest

Kỳ đầu tư	Ngành	Mã CK	Tỷ trọng	LN danh mục	Chênh lệch so với VN-Index
T01-03/2015	Điện	SJD KHP VNE UIC HJS	14,73% 24,43% 28,97% 15,01% 16,84%	11,58%	10,35%
T04-06/2015	Ngân hàng	ACB	100%	29,60%	22,0%
T07-09/2015	Ngân hàng	SHB	100%	-12,03%	-6,9%
T10-12/2015	Tài chính khác	PVI	100%	37,01%	34,1%
T01-03/2016	Tài chính khác	PVI	100%	-4,32%	-1,25%
T04-06/2016	Y tế	DHG	100%	27,80%	15,15%
T07-09/2016	Dầu khí	PVS	100%	22,47%	14,01%
T10-12/2016	Dầu khí	PGD	100%	-11,76%	-9,76%
T01-03/2017	Thép	SMC	100%	21,05%	13,57%
T04-06/2017	Xây dựng & Vật liệu xây dựng	VCG LGC HDG BCC NNC	16,32% 17,05% 19,14% 25,61% 21,87%	8,17%	0,70%
T07-09/2017	Dịch vụ viễn thông	HIG	100%	15,32%	11,72%
T10-12/2017	Công nghệ	SAM	100%	-1,01%	-23,36%
T01-03/2018	Công nghiệp	VSC SHN DLG SWC TYA	8,03% 17,86% 16,66% 41,9% 15,55%	3,57%	-15,75%
T04-06/2018	Ngân hàng	VCB ACB STB	37,75% 47,33% 14,9%	-25,30%	-7,10%
T07-09/2018	Bất động sản	QCG SJS ITA ITC VRC	15,13% 35,80% 11,39% 27,69% 9,98%	3,85%	-2,02%

Kỳ đầu tư	Ngành	Mã CK	Tỷ trọng	LN danh mục	Chênh lệch so với VN-Index
T10-12/2018	Công nghệ	CMG	100%	0,78%	13,03%
T01-03/2019	Tài chính khác	BVH	100%	6,67%	-3,21%
T04-06/2019	Than đá và nhiên liệu khác	NBC	100%	4,28%	7,43%
T07-09/2019	Than đá và nhiên liệu khác	NBC	100%	-3,28%	-8,20%
T10-12/2019	Công nghệ	ELC	100%	-3,6%	-0,03%
T01-03/2020	Công nghệ	ITD	100%	-23,2%	7,85%
T04-06/2020	Than đá và nhiên liệu khác	NBC	100%	8,55%	-15,98%
T07-09/2020	Than đá và nhiên liệu khác	NBC	100%	-5,31%	-15,03%
T10-12/2020	Thép	SMC	100%	85,18%	63,24%
T01-03/2021	Chứng khoán	SHS AGR SBS VIG	12,86% 34,85% 45,55% 6,74%	45,64%	37,71%
T04-06/2021	Chứng khoán	SSI BVS SBS APS VIG	11,71% 16,15% 19,27% 24,4% 28,46%	35,26%	17,04%
T07-09/2021	Chứng khoán	BVS PSI APS WSS HBS	12,61% 19,58% 26,12% 18,67% 23,01%	22,30%	27,02%
T10-12/2021	Than đá và nhiên liệu khác	NBC THT	18,33% 81,66%	-24,65%	-36,30%
T01-03/2022	Hóa chất	PVO	100%	60,3%	60,71%

Kỳ đầu tư	Ngành	Mã CK	Tỷ trọng	LN danh mục	Chênh lệch so với VN-Index
T04-06/2022	Hóa chất	PLC CSV HAD PVO	7,67% 60,39% 18,95% 13,0%	-35,91%	-16,17%
T07-09/2022	Hóa chất	PLC	100%	15,35%	20,82%
T10-12/2022	Dịch vụ công cộng	DNW	100%	20,62%	31,67%
T01-03/2023	Dịch vụ công cộng	ASP PCG MTC	46,92% 37,51% 15,56%	0,91%	-4,80%
T04-06/2023	Ngân hàng	VCB BID NVB KLB	45,37% 19,64% 19,07% 15,91%	6,43%	1,21%
T07-09/2023	Chứng khoán	FTS TVS CTS BVS WSS	11,55% 17,69% 34,72% 12,60% 23,45%	17,78%	14,74%
T10-12/2023	Hóa chất	HDA	100%	-7,6%	-5,5%
T01-03/2024	Hóa chất	HDA	100%	-6,3%	-19,95%
T04-06/2024	Dịch vụ viễn thông	FOX	100%	86,44%	89,46%
T07-09/2024	Dịch vụ viễn thông	FOX SGT TTN	22,81% 67,35% 9,83%	-2,87%	-6,30%
T10-12/2024	Dịch vụ viễn thông	FOX	100%	9,17%	10,81%
T01-03/2025	Công nghệ	SBD	100%	-1,32%	-4,48%
T04-06/2025	Nguyên vật liệu	DCM DPM DHC BFC TPP	22,18% 19,52% 8,31% 33,72% 16,24%	9,98%	4,67%
T07-09/2025	Bất động sản	KDH NVL VPI IDC DXG	21,79% 16,31% 25,55% 20,42% 15,91%	11,4%	-9,72%

*Các kỳ in đậm tương ứng với các kỳ đánh bại VN-Index

Phụ lục

PHỤ LỤC
Các ngành trong kiểm định

Ngành cấp 1	Tên ngành kiểm định	Ghi chú
Tài chính	Ngân hàng	Ngành Tài chính sau khi tách Ngân hàng và Chứng khoán
	Chứng khoán	
	Tài chính khác	
Năng lượng	Than đá và nhiên liệu khác	
	Dầu khí	
Nguyên vật liệu	Thép	Ngành Nguyên vật liệu sau khi tách Thép và Hóa chất và Vật liệu xây dựng
	Hóa chất	
	Nguyên vật liệu khác	
Dịch vụ viễn thông	Dịch vụ viễn thông	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	

Ngành cấp 1	Tên ngành kiểm định	Ghi chú
Dịch vụ công cộng	Điện	
	Nước & Gas	
Công nghệ	Công nghệ	
Y tế	Y tế	
Công nghiệp Nguyên vật liệu	Xây dựng & Vật liệu xây dựng	Gộp 2 ngành cấp 3 Xây dựng và Vật liệu xây dựng
Công nghiệp	Công nghiệp	Đã loại ngành cấp 3 Xây dựng
Bất động sản	Bất động sản	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	Hàng tiêu dùng thiết yếu	

PHỤ LỤC
Ý nghĩa các chỉ số

Chỉ số	Ý nghĩa	Công thức
Động lượng ngành	Trong báo cáo này, động lượng ngành được đo bằng mức tăng trưởng giá trung bình có trọng số vốn hóa của các cổ phiếu trong cùng ngành (vốn hóa sẽ được lấy tại thời điểm bắt đầu xét động lượng) . Cách tiếp cận này giúp phản ánh sát nhất hiệu suất thực tế của ngành, tương tự như cách tính toán của một số chỉ số ngành, thị trường.	$\sum_{i \in \text{Ngành}} w_{i,t-6} \times \frac{P_{i,t} - P_{i,t-6}}{P_{i,t-6}}$
Độ biến động	Rủi ro đầu tư của một cổ phiếu/danh mục (sau đây gọi tắt là khoản đầu tư p), thể hiện qua độ lệch chuẩn của lợi nhuận đầu tư qua các khoảng thời gian.	$\text{std}(R_p)$
Lợi nhuận chủ động (active return)	Đo lường mức chênh lệch giữa lợi nhuận của danh mục khuyến nghị và danh mục tiêu chuẩn, cho thấy hiệu quả của việc lựa chọn cổ phiếu đầu tư.	$\frac{1 + R_p}{1 + R_B} - 1$
Lợi nhuận phong cách đầu tư (style return)	Đo lường mức chênh lệch giữa lợi nhuận của danh mục danh mục tiêu chuẩn và thị trường, cho thấy hiệu quả của việc lựa chọn chiến lược đầu tư.	$\frac{1 + R_B}{1 + R_M} - 1$
Hệ số Sharpe	Đánh giá hiệu suất tài chính của khoản đầu tư so với đầu tư phi rủi ro, thể hiện qua tỷ lệ giữa (1) lợi nhuận đầu tư vượt quá lợi nhuận phi rủi ro (r_f) và (2) độ lệch tiêu chuẩn của lợi nhuận đầu tư.	$\text{Sharpe Ratio} = \frac{R_p - R_f}{\text{std}(R_p)}$
Maximum Drawdown	Đo lường rủi ro thông qua mức sụt giảm giá trị lớn nhất của danh mục (từ đỉnh tới đáy thấp nhất trước khi có đỉnh mới) trong một khoảng thời gian nhất định.	$\text{MDD} = \frac{\text{Peak Value} - \text{Trough Value}}{\text{Peak Value}}$
Mô hình Chuỗi thời gian: Bayesian Vector Autoregression	Mô hình BVAR kết hợp thông tin từ chuỗi giá lịch sử của chính cổ phiếu đó và các biến liên quan để đưa ra dự báo lợi nhuận.	

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS, chuyên viên phân tích và người phê duyệt báo cáo hiện không nắm giữ cổ phiếu của các doanh nghiệp này.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến các cổ phiếu này có thể được xem tại <https://ezsearch.fts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty Chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

52 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ,
Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: 1900 6446

Fax: (84.24) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,
phường Bến Thành, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 1900 6446

Fax: (84.28) 6 291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp. Đà Nẵng

Số 100, Quang Trung, Phường Hải Châu, TP. Đà
Nẵng, Việt Nam

ĐT: 1900 6446

Fax: (84.23) 6 3553 888